

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Tùng;

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 173/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thanh H, sinh năm 1981, tại thành phố Cần Thơ; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (chưa đăng ký tạm trú); nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 2/12; con ông Bùi Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, không rõ năm sinh; có 05 anh chị em, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất không rõ năm sinh; có vợ là Đoàn Thị T, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Hiếu Tr, sinh năm 1960, tại tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (chưa đăng ký tạm trú); nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 4/12; con ông Trương Minh C (đã chết) và bà Lương Thị L (đã chết); có 09 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1950, nhỏ nhất sinh năm 1971; có vợ là Võ Hồng N, sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/4/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Minh Hải xử phạt

09 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân. Ngày 07/10/1993, được chuyển đến trại giam C sau đó chuyển đến trại giam khác chấp hành án (hiện không biết chấp hành tại trại giam nào do hồ sơ không còn lưu giữ); Ngày 17/4/2003, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xử về tội: “Trộm cắp tài sản” hình phạt 02 năm tù và bồi thường 1.500.000 đồng, nộp 125.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Chấp hành hình phạt tù xong ngày 06/6/2004, đã thi hành xong phần án phí. Ngày 02/8/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2012 và đã chấp hành xong án phí; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Hoàng G, sinh năm 1982 tại tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ thường trú: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (chưa đăng ký tạm trú); nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Lê Văn C, sinh năm 1948 và bà Đặng Ngọc D, sinh năm 1950; có 08 anh chị em, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất là bị cáo; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17/01/2017, bị Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chưa chấp hành quyết định; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lầu Thị C, sinh năm 1960, tại tỉnh Long An; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã K, huyện V, tỉnh Long An; chỗ ở hiện tại: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; có 05 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1978; có chồng là Nguyễn Văn P, sinh năm 1954 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ được tại ngoại điều tra cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Thị Ú, sinh năm 1974, tại thành phố Cần Thơ; địa chỉ thường trú: Khu phố T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; con ông Đỗ Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1930; có 09 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1952, nhỏ nhất là bị cáo; có chồng là Nguyễn Thành C, sinh năm 1980 và có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được bị cáo tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị X, sinh năm 1976 tại tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ thường trú: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1961, nhỏ nhất là bị cáo; có chồng là Phạm Thế V, sinh năm 1969 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1969, tại tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: Tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Huỳnh Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị C, sinh năm 1939; có vợ là Nguyễn Bích T, sinh năm 1973 và có 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Thị B, sinh năm 1981, tại tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: Tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Lê Văn C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; có chồng là Huỳnh Thanh T, sinh năm 1976 và có hai con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1978, tại tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: Tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Huỳnh Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị C, sinh năm 1939; có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất là bị cáo; có chồng là Lê Văn T, sinh năm 1978 và có ba con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Trần Thị N, sinh năm 1970, tại tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 03/12; con ông Trần Văn C, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; có 07 chị em, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1975; có chồng là Phạm Thành H, sinh năm 1971 và có một con sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Sơn Thị Ngọc Th, sinh năm 1982, tại tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T,

thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Sơn Hồng H, sinh năm 1956 và bà Thạch Thị K, sinh năm 1960; có chồng là Đỗ Minh D, sinh năm 1984 và có hai con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Thị L (tên gọi khác L), sinh năm 1975, tại tỉnh Cà Mau; địa chỉ thường trú: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện tại: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Trần Thị D (đã chết); có 08 anh chị em, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất là bị cáo; có chồng là Trương Thanh H, sinh năm 1967 và có ba con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2019 đến ngày 07/6/2019 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, được tại ngoại điều tra cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Ngô Hồng N, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/5/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an phường M phát hiện và bắt quả tang 12 người gồm Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lâu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc T đánh bạc dưới hình thức bài binh Ẩn Độ thắng thua bằng tiền tại nhà số 742, đường Quốc lộ 13, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị B quản lý. Công an tiến hành bắt giữ và tạm giữ: Số tiền trên chiếu bạc 8.050.000 đồng; 03 (ba) bộ bài tây (loại 52 lá) đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã Bến Cát, Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lâu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc T và Lê Thị B khai nhận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 28/5/2019, Bùi Thanh H đi từ nhà trọ Nhi thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B đến nhà của Lê Thị B số nhà 472, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương để uống nước. Khi đến nơi, H thấy T, G đang ngồi chơi. H, T, G rủ nhau chơi đánh bài binh Ẩn Độ (06 lá) thắng thua bằng tiền. H, T, G kêu Bình mua bộ bài tây loại 52 lá cho H, G, T đánh bạc. B mua bài về đưa cho H, G, T đánh bạc. Trong lúc H, G, T chơi có T, Đ, L, N, C, X, Th, P, Ú tự đến và tham gia chơi đánh bạc. Khi vào đánh bạc X, L, C đưa cho B mỗi người 20.000 đồng tiền xâu.

Hình thức đánh bài binh Ấn Độ như sau: Một bộ bài tây 52 lá được chia cho các tụ người chơi, mỗi tụ gồm 06 lá bài, sau khi chia xong thì người chơi tự sắp xếp và chia ra làm 02 chi mỗi chi 03 lá bài. H làm cái và quy định mỗi tụ đặt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng một ván. Ú, G, T, P, X, C, N mỗi người một tụ, Đ và T một tụ, L và T một tụ. H chia cho mỗi tụ 06 lá bài, sau khi chia xong những người tham gia đánh bạc phân bài ra làm 02 chi mỗi cho 03 lá bài. Cách tính điểm như sau: Lớn nhất là 03 con tây (J, Q, K) đến 09 nút bài, nhỏ nhất là bù (mười nút) sau đó những người đánh bạc so điểm với nhà cái, nếu cả 02 chi bài đều lớn nút hơn nhà cái thì thắng, nếu 01 chi lớn hơn và 01 chi nhỏ hơn thì là huề, nếu 02 chi đều nhỏ hơn thì là thua, đối tượng đánh bạc cược bao nhiêu tiền thì sẽ thắng hoặc thua bấy nhiêu tiền, chỉ tính thắng thua với Hoàng. Tỷ lệ chung chi tiền cá cược là 1:1.

Số tiền mang theo dùng để đánh bạc và thắng thua của từng người cụ thể như sau:

1- Bùi Thanh H mang theo số tiền 9.100.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình chơi H làm cái cho G, Ú, Tr, L, P, T, Đ, N, C, X, Th làm tay con. Quá trình chơi, H làm cái, H thua hết số tiền 6.170.000 đồng. Khi công an bắt, thu giữ số tiền 2.930.000 đồng trong túi quần của H.

2- Lê Hoàng G mang theo số tiền 1.500.000 đồng, quá trình chơi G thắng được 550.000 đồng. Khi bị công an bắt, thu giữ của G số tiền 2.050.000 đồng.

3- Trương Hiếu Tr mang theo số tiền 7.100.000 đồng. Trung lấy ra 2.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi, Tr thắng được 900.000 đồng. Khi công an bắt, thu giữ số tiền 1.500.000 đồng để trong túi áo và 5.100.000 đồng để trong bóp.

4- Nguyễn Thị L mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình chơi L không thua cũng không thắng. Khi bị bắt L để số tiền 300.000 đồng dưới chân và bị thu giữ trong số tiền tang. Khi công an vào bắt, L bỏ chạy thì bị té ngã, trong lúc té ngã L nhặt được số tiền 2.514.000 đồng dưới đất và bị công an thu giữ.

5- Lầu Thị C mang theo số tiền 2.517.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình chơi, C thua hết 100.000 đồng. Khi công an vào bắt, thu giữ của C số tiền 2.397.000 đồng.

6- Nguyễn Văn P mang theo số tiền 2.554.000 đồng, P lấy ra 300.000 chơi đánh bạc, còn lại 2.254.000 không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình chơi P không thua cũng không thắng. Khi bị bắt, Công an thu của P số tiền 2.254.000 đồng cất trong người.

7- Trần Thị N mang theo số tiền 600.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình chơi N thắng được 200.000 đồng, Khi bị bắt, Công an thu giữ của N số tiền 800.000 đồng.

8- Huỳnh Thị Thanh T mang theo số tiền 2.800.000 đồng. T lấy ra 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình chơi T không thua cũng không

thắng. Khi bị bắt, T ném số tiền 2.300.000 đồng vào chiếu bạc, còn 500.000 đồng T cất vào túi áo và bị thu giữ.

9- Sơn Thị Ngọc Th mang theo số tiền 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Th chơi đánh bạc đặt ké tụ của Huỳnh Thị Thanh T. Quá trình chơi Th thua hết số tiền 300.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu của Th số tiền 200.000 đồng.

10- Nguyễn Thị X mang theo số tiền 2.640.000 đồng. X lấy ra 240.000 đồng chơi đánh bạc và đặt ké tụ với Trương Hiếu Tr. Quá trình chơi X không thua cũng không thắng. Khi bị bắt, Công an thu của X số tiền 240.000 đồng cầm trên tay và số tiền 2.400.000 để trong túi áo.

11- Huỳnh Văn Đ khi đi mang theo 50.000 đồng Đ dùng để mua nước và thuốc lá để hút hết. Khi vào tham gia đánh bạc Đ nói với T cho Đ chơi ké thì T đồng ý. Đ chơi ké tụ của T 02 ván mỗi ván 50.000 đồng nhưng chưa đưa tiền cho T. Quá trình chơi, Đ thua 50.000 đồng.

12- Đỗ Thị Ú mang theo số tiền 1.594.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình chơi Ú thắng được 200.000 đồng. Khi bị bắt, Công an thu của Ú số tiền 200.000 đồng để dưới chân vào số tiền tang và số tiền 1.594.000 đồng để trong túi quần.

13- Đối với Lê Thị B khai nhận: Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2019 có H, Tr, G đến nhà B để uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, H kêu B đi mua bài tây loại 52 lá để cho H, Tr, G chơi đánh bài thắng thua bằng tiền. B đồng ý. B đến quán tạp hóa gần nhà của B mua ba bộ bài tây loại 52 lá đưa cho H. Hoàng, Tr, G chơi đánh bài binh Ấn Độ (06 lá) thắng thua bằng tiền, sau đó có T, Đ, L, N, C, X, Th, P, Ú. Khi T, Đ, L, N, C, X, Th, P vào chơi đánh bạc B thu xâu của L, C, X mỗi người 20.000 đồng, trong quá trình chơi, G và Tr đưa cho B 50.000 đồng tiền xâu. Tổng số tiền B thu xâu là 110.000 đồng. Ngoài ra, B còn cho các đối tượng khác đánh bài tại nhà của mình được 04 đến 05 lần và thu xâu được khoảng 600.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng đánh bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc là 21.141.000 đồng.

Quá trình bắt giữ, lực lượng Công an thu giữ vật chứng như sau: Thu giữ của Trương Hiếu Tr số tiền 7.100.000 đồng; Thu giữ của Trần Thị N số tiền 800.000 đồng; Thu giữ của Nguyễn Thị L số tiền 2.514.000 đồng; Thu của Nguyễn Văn P số tiền 2.254.000 đồng; Thu của Huỳnh Thị Thanh T số tiền 500.000 đồng; Thu của Bùi Thanh H số tiền 2.930.000 đồng; Thu giữ của Sơn Thị Ngọc Th số tiền 200.000 đồng; Thu của Lê Hoàng G số tiền 2.000.000 đồng và xe mô tô biển số 69C1-086028; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia; Thu giữ của Nguyễn Thị X số tiền 2.640.000 đồng; Đỗ Thị Ú số tiền 1.594.000 đồng; Thu giữ của Lâu Thị C số tiền 2.397.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia 1280.

Quá trình điều tra xác định được xe mô tô biển số 69C1-086028 do ông Nguyễn Quốc T, HKTT: K6A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau đứng tên chủ sở hữu. Ngày 07/5/2019, ông T bán xe mô tô biển số 69C1-086028 cho bà Ngô

Hồng N, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Ấp 9, xã K, h U, tỉnh Cà Mau. Ngày 28/5/2019, bà N cho G mượn để đi công việc. Bà N không biết G sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 26/7/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe mô tô này cho bà Ngô Hồng N.

Tại Bản Cáo trạng số 190/CT-VKS ngày 07/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Lê Thị B về tội “gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Lê Thị B về tội “gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (không áp dụng điểm i đối với bị cáo Trương Hiếu Tr), Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh H số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trương Hiếu Tr từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Ú số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thanh T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Trần Thị N số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Lầu Thị C số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Sơn Thị Ngọc Th số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thị B số tiền từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước;

Ngoài ra còn đề nghị về biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lâu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và nội dung bản Cáo trạng số: 190/CT-VKSBC ngày 07 tháng 10 năm 2019.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Tòa án nhận được Trích lục khai tử của bị cáo Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1974 đã chết vào lúc 02 giờ 00 phút ngày 11/10/2019. Ngày 12/10/2019, Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2019/HSST-QĐ ngày 12/10/2019 đối với bị can Nguyễn Văn P.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên toà, các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc và gá bạc như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 12 giờ đến 15 giờ 00 phút ngày 28/5/2019, tại nhà số 472, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do Lê Thị B quản lý, Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th tham gia chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài bộ binh 06 lá (Binh Ấn Độ) thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 21.141.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng). Lê Thị B đã có hành vi sử dụng nhà ở của mình để cho Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th đánh bạc thắng thua bằng tiền và thu xâu số tiền 110.000 đồng.

Do đó, hành vi mà các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu T, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi mà bị cáo Lê Thị B đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi của các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu T, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến nếp sống văn minh trong xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ pháp luật nước ta nghiêm cấm mọi hoạt động đánh bạc và cho mượn địa điểm đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lờ mờ, nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu T, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc

Th không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị B không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Thanh H, Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Trương Hiếu T, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Thanh H, Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Trương Hiếu T, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Bùi Thanh H, Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo Bùi Thanh H, Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B thuộc trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trương Hiếu Tr thuộc trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Đ còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 do từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Xét về nhân thân: Các bị cáo Bùi Thanh H, Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Trương Hiếu Tr là người có nhân thân xấu do từng bị kết án vào năm 1993, năm 2003 và năm 2005; bị cáo Lê Hoàng G có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đối với nhân thân của các bị cáo.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau khởi xướng, rủ rê, lôi kéo nhau tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 21.141.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét xử lý các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy ngoài bị cáo Tr có nhân thân xấu, bị cáo G có 1 tiền sự thì các bị cáo còn lại

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Tại phiên tòa, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo H, G, Tr, C và Ú có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc nhiều hơn so với bị cáo L, N, T, Th, X, Đ. Bị cáo Hoàng là người đầu tiên khởi xướng việc đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Tr, G và H phải bị áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo C và Ú phải bị áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo L, N, T, Th, X, Đ. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt phạt tiền đối với các bị cáo vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đối với bị cáo Lê Hoàng G, Trương Hiếu Tr và Bùi Thanh H: Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận, mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Hoàng G, Trương Hiếu Tr và Bùi Thanh H chưa phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về biện pháp tư pháp:

Đối với vật chứng thu giữ của các bị cáo gồm: Tổng số tiền thu giữ là 30.729.000 đồng (trong đó có: Số tiền 20.929.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền 5.100.000 đồng của bị cáo Tr không sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền 2.300.000 đồng của bị cáo T không sử dụng vào mục đích đánh bạc và số tiền 2.400.000 đồng của bị cáo X không sử dụng vào mục đích đánh bạc): Đối với số tiền 20.929.000 đồng thì đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 5.100.000 đồng của bị cáo Tr không sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền 2.300.000 đồng của bị cáo T không sử dụng vào mục đích đánh bạc và số tiền 2.400.000 đồng của bị cáo X không sử dụng vào mục đích đánh bạc thì cần quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành hành của các bị cáo Tr, T và X.

Đối với 03 (ba) bộ bài tây (loại 52 lá) đã qua sử dụng: Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá

trị sử dụng. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 69C1-086028: Quá trình điều tra, xác định được xe này do ông Nguyễn Quốc T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 07/5/2019, ông T bán xe này cho bà Ngô Hồng N. Ngày 28/5/2019, bà N cho G mượn để đi công việc. Bà N không biết G sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 26/7/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe mô tô này cho bà Ngô Hồng N. Việc giao trả này là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với số tiền bị cáo B thu lợi bất chính 710.000 đồng: Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước. Do đó, buộc bị cáo B phải nộp số tiền 710.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[4] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Tòa án nhận được Trích lục khai tử của bị cáo Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1974 đã chết vào lúc 02 giờ 00 phút ngày 11/10/2019. Xét thấy, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là bị cáo P đã chết. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo P theo quy định tại Điều 45, Điều 277 và Điều 282 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Huỳnh Văn Đ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Hiếu Tr;

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị B;

Căn cứ Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lâu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th phạm tội: “Đánh bạc”.

1.1 Xử phạt bị cáo Bùi Thanh H 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 11 ngày tạm giữ, tạm giam (một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ: $11 \text{ ngày} \times 03 = 33 \text{ ngày}$ tương đương 01 tháng 03 ngày). Bị cáo Bùi Thanh H còn phải chấp hành là 28 (hai mươi tám) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo H là ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án của Tòa án.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Bùi Thanh H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Bùi Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự để giám sát, giáo dục bị cáo.

1.2 Xử phạt bị cáo Trương Hiếu Tr 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 11 ngày tạm giữ, tạm giam (một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ: $11 \text{ ngày} \times 03 = 33 \text{ ngày}$ tương đương 01 tháng 03 ngày). Bị cáo Trương Hiếu Tr còn phải chấp hành là 22 (hai mươi hai) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Trương Hiếu Tr là ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án của Tòa án.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Trương Hiếu Tr số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Trương Hiếu Tr cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự để giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3 Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 11 ngày tạm giữ, tạm giam (một ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ: $11 \text{ ngày} \times 03 = 33 \text{ ngày}$ tương đương 01 tháng 03 ngày). Bị cáo Lê Hoàng G còn phải chấp hành là 10 (mười) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Hoàng G là ngày Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án của Tòa án.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Lê Hoàng G cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự để giám sát, giáo dục bị cáo.

1.4 Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Ú số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

1.5 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.6 Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thanh T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.7 Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.8 Xử phạt bị cáo Trần Thị N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.9 Xử phạt bị cáo Lầu Thị C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

1.10 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.11 Xử phạt bị cáo Sơn Thị Ngọc Th số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thị B phạm tội: “Gá bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị B số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bộ bài tây (loại 52 lá) đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 20.929.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia (model 1280, IMEI 352055/02/05290218);

- Tuyên quản thủ số tiền 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) của bị cáo Trương Hiếu Tr, số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Huỳnh Thị Thanh T và số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị X để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Lê Thị B phải nộp số tiền 710.000 đồng (bảy trăm mười nghìn đồng) thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát giữa Công an thị xã Bến Cát và Chi cục Thi hành án dân thị xã Bến Cát và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 27/11/2019 của Công an thị xã Bến Cát)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Bùi Thanh H, Lê Hoàng G, Đỗ Thị Ú, Trương Hiếu Tr, Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Văn Đ, Trần Thị N, Lầu Thị C, Nguyễn Thị X, Sơn Thị Ngọc Th và Lê Thị B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu
- UBND xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Thanh Trúc

